

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày: 10/3/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Cao Sơn

Ông Nguyễn Xuân Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại hội trường xét xử Hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn Q, sinh ngày: 16/5/1983; giới tính: Nam; nơi sinh: huyện Q1, tỉnh Q2; nơi cư trú: xã Q3, huyện Q4, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn Q5 và bà Nguyễn Thị Q6 (đều đã chết); vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/01/2009 bị Tòa án nhân dân Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 tháng 10 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 theo Bản án số 15/2009/HSST, được trả tự do ngay tại phiên tòa. (Đã chấp hành xong Bản án).

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 28/12/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Khối phố T1, phường T2, thành phố T3, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1999; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm H1, xã H2, thành phố T3, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị P, sinh năm 1972; nghề nghiệp: Làm ruộng; địa chỉ: xã Q3, huyện Q4, tỉnh Gia Lai (có mặt).

2. Bà Trần Thị Hồng Y, sinh năm 1964; nghề nghiệp: Thợ may; địa chỉ: đường Y1, phường Y2, thành phố T3, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 29/02/2020 đến ngày 09/11/2020, Trần Văn Q đã 02 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T3, cụ thể:

- Lần thứ 1: Vào khoảng 17 giờ 15 phút ngày 29/02/2020, Trần Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH Mode màu xanh đen, BKS: 59S2-739.16 của mình đi vào shop quần áo “BT” tại đường Y1 thuộc phường Y2, thành phố T3, tỉnh Hà Tĩnh của chị Nguyễn Thị T để trộm cắp tài sản. Q giả vờ hỏi mua váy cho vợ để tìm kiếm tài sản lấy trộm và phát hiện thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen của chị T để ở quầy thu ngân. Chị T đang lấy quần áo cho Q xem và không để ý nên Q lấy trộm chiếc điện thoại di động nói trên bỏ vào túi quần. Sau đó, Q nói với chị T là để về chờ vợ lại chọn quần áo rồi mua sau và điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Ngày 01/3/2020, Q vào thành phố Hồ Chí Minh và đã bán chiếc điện thoại di động nói trên cho một người không quen biết tại thành phố Hồ Chí Minh với giá 1.700.000 đồng. Số tiền này Q tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 28/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hà Tĩnh: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, dung lượng 128GB đã qua sử dụng trị giá 6.000.000 đồng.

- Lần thứ 2: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 09/11/2020, Trần Văn Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH Mode màu xanh đen, BKS: 59S2-739.16 của mình đi vào shop quần áo tại đường DX thuộc phường Y2, thành phố T3, tỉnh Hà Tĩnh của chị Trịnh Thị H để trộm cắp tài sản. Q giả vờ hỏi chị H mua váy cho vợ và phát hiện thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh của chị H để trên bàn thu ngân. Q giả vờ chọn một chiếc váy và yêu cầu chị H đổi màu khác lấy cho Q xem rồi lợi dụng lúc chị H không để ý, Q lấy trộm chiếc điện thoại di động nói trên bỏ vào túi quần của mình. Tiếp đó, Q nói với chị H là để về chờ vợ lại chọn váy rồi mua sau và điều khiển xe mô tô bỏ trốn. Ngày 10/11/2020, Q vào thành phố Hồ Chí Minh và đã bán chiếc điện thoại di động nói trên cho một người không quen biết tại thành phố Hồ Chí Minh với giá 6.500.000 đồng. Số tiền này Q tiêu xài cá nhân hết.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 28/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Hà Tĩnh: 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, dung lượng 64GB đã qua sử dụng trị giá 23.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/12/2020, tại ốt may quần áo ở địa chỉ đường LS thuộc phường HS, thành phố T3, tỉnh Hà Tĩnh, Trần Văn Q còn lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trị giá 800.000 đồng của chị Trần Thị Hồng Y. Sau đó, Trần Văn Q bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Tĩnh phát hiện thu giữ cùng tang vật.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu hồng thu giữ từ Trần Văn Q được trao trả cho chủ sở hữu bà Trần Thị Hồng Y; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, màu xanh đen, BKS: 59S2 – 739.16; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Thu Vân; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn Q thu giữ từ Trần Văn Q được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh; 01 Hợp đồng Ủy quyền số 21742 ngày 13/9/2018 do Văn phòng Công chứng Số 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Hợp đồng Ủy quyền số 21428 ngày 12/10/2018 do Văn phòng Công chứng Đồng Tâm, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Giấy mua bán xe thu giữ từ Trần Văn Q được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Trần Văn Q đã tác động chị gái ruột là chị Trần Thị P bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 6.000.000 đồng, bồi thường cho chị Trịnh Thị H số tiền 23.000.000 đồng. Nay các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKS-TPHT ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh giữ nguyên quan điểm như nội dung cáo trạng truy tố; trong phần luận tội và tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn Q từ 15 đến 21 tháng tù.

Về đề nghị xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, màu xanh đen, BKS: 59S2 – 739.16 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị TV thu giữ tại bị cáo là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng Ủy quyền số 21742 ngày 13/9/2018 do Văn phòng Công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Hợp đồng Ủy quyền số 21428 ngày 12/10/2018 do Văn phòng Công chứng Đồng Tâm, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Giấy mua bán xe thu giữ từ Trần Văn Q.

- Trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn Q.

Bị cáo Trần Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo nhận lỗi, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là sai trái, vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo bị bệnh đang điều trị, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định được: Trong khoảng thời gian từ ngày 29/02/2020 đến ngày 09/11/2020, Trần Văn Q đã 02 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố T3 cụ thể: Lần thứ nhất, Trần Văn Q đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen trị giá 6.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T. Lần thứ hai, Trần Văn Q đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh trị giá 23.000.000 đồng của chị Trịnh Thị H. Ngoài ra, Trần Văn Q còn trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu hồng trị giá 800.000 đồng của bà Trần Thị Hồng Y. Tổng giá trị tài sản mà Trần Văn Q đã trộm cắp là 29.800.000 đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội bị cáo Trần Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Trần Văn Q phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo “*Thành khẩn khai báo*”; “*Tự nguyện bồi thường thiệt hại*”; “*Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*”, “*Bản thân bị cáo đang phải điều trị bệnh*”. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Q là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, nên cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã được chị Trần Thị P là chị gái của bị cáo bồi thường đầy đủ, nay không ai yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo màu hồng thu giữ từ Trần Văn Q được trao trả cho bà Trần Thị Hồng Y là phù hợp.

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, màu xanh đen, BKS: 59S2 – 739.16; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị TV thu giữ tại bị cáo là công cụ, phương tiện thuộc quyền sở hữu của bị cáo, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

01 Hợp đồng Ủy quyền số 21742 ngày 13/9/2018 do Văn phòng Công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Hợp đồng Ủy quyền số 21428 ngày 12/10/2018 do Văn phòng Công chứng Đồng Tâm, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Giấy mua bán xe thu giữ từ Trần Văn Q cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn Q thu giữ từ Trần Văn Q không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Trần Văn Q** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt **Trần Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2020.

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, màu xanh đen, BKS: 59S2 – 739.16 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô

mang tên Trần Thị TV thu giữ tại bị cáo là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng Ủy quyền số 21742 ngày 13/9/2018 do Văn phòng Công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Hợp đồng Ủy quyền số 21428 ngày 12/10/2018 do Văn phòng Công chứng Đông Tâm, thành phố Hồ Chí Minh cấp; 01 Giấy mua bán xe thu giữ từ Trần Văn Q.

- Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn Q.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 30 phút, ngày 05/02/2021 giữa cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh và cán bộ Công an thành phố Hà Tĩnh).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc Trần Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPHT ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở TP Hà Tĩnh;
- TANDtỉnh Hà Tĩnh;
- Công an TPHT;
- Trại TG CAHT;
- T.H.A.P.T;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Bị cáo; các bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư